

# COMMIT

COORDINATED MEKONG MINISTERIAL INITIATIVE AGAINST TRAFFICKING



## **Kế hoạch Hành động tiểu vùng COMMIT III (KHHĐTV COMMIT III, 2011-2013)**

Bản dự thảo sẽ được hoàn thiện tại  
Hội nghị trừ bị SOM8/IMM3  
Tháng 1 | Băng Cốc, Thái Lan

**TRƯỚC THÈM HỘI NGHỊ SOM 8/IMM 3  
HUAHIN, THÁI LAN**

# MỤC LỤC

## TỔNG QUAN VỀ TIẾN TRÌNH COMMIT VÀ KHHĐTV III (2011-2013)

1. Bối cảnh: Tiến trình COMMIT	4
2. Văn kiện Ghi nhớ COMMIT	4
3. KHHĐTV COMMIT I (2005-2007)	5
4. KHHĐTV COMMIT II (2008-2010)	6
5. KHHĐTV COMMIT III (2011-2013)	6
6. Tiến trình ra đời của Kế hoạch Hành động tiểu vùng COMMIT	8
7. Các vai trò và quan hệ chủ yếu trong tiến trình COMMIT: Hỗ trợ tính bền vững của COMMIT	9
8. Các nguyên tắc hướng dẫn của tiến trình COMMIT	10

## KHHĐTV COMMIT III (2011-2013)

Lĩnh vực 1	Chính sách và Hợp tác	11
Lĩnh vực 2	Khung pháp lý, Hành pháp và Tư pháp	17
Lĩnh vực 3	Bảo vệ, Phục hồi và Tái hòa nhập	23
Lĩnh vực 4	Các biện pháp phòng ngừa và giảm thiểu tính dễ bị tổn thương	29
Lĩnh vực 5	Giám sát, Đánh giá, và hệ thống dữ liệu về phòng chống Buôn bán Người	35
Danh sách tóm tắt: Các mục tiêu và hoạt động của KHHĐTV III		39

## PHỤ LỤC

Phụ lục A	Văn kiện Ghi nhớ COMMIT (2004)
Phụ lục B	Tuyên bố chung COMMIT (2007)

**TỔNG QUAN**  
**TIẾN TRÌNH COMMIT VÀ KẾ HOẠCH**  
**HÀNH ĐỘNG TIỂU VÙNG LẦN 3**  
**(KHHĐTV COMMIT III, 2011-2013)**

## Bối cảnh: Tiến trình COMMIT

Sáng kiến phối hợp cấp Bộ trưởng trong phòng chống Buôn bán Người (BBN) khu vực tiểu vùng sông Mêkong mở rộng (COMMIT) là một tiến trình do Chính phủ lãnh đạo, đã tập hợp được sáu nước khu vực tiểu vùng sông Mêkong mở rộng (GMS) bao gồm Campuchia, Trung Quốc, Myanmar, Lào, Thái Lan và Việt Nam. Tiến trình COMMIT khởi đầu với mục đích xây dựng một cơ chế phối hợp tác xuyên biên giới nhằm chống lại nạn BBN một cách bền vững và hiệu quả. Các hoạt động phòng chống BBN được thiết kế và thực hiện thông qua các mối quan hệ hợp tác giữa các bộ ban ngành chính phủ và các đối tác phát triển cùng sự hỗ trợ của tiến trình COMMIT. Phương pháp tiếp cận mang tính tư vấn và hợp tác, với sự tham gia của các tổ chức dân sự, các tổ chức hỗ trợ nạn nhân, các tổ chức quốc tế và nạn nhân bị buôn bán, kể cả trẻ em và thanh thiếu niên.

Các mục tiêu của tiến trình COMMIT bao gồm:

- Củng cố và tăng cường cơ chế và sự sắp xếp phối hợp cấp liên quốc gia và khu vực trong phòng chống BBN;
- Xây dựng một cơ chế ứng phó đồng bộ cấp khu vực, bao trùm lên mọi lĩnh vực của vấn đề BBN và đảm bảo nạn nhân được đặt là trung tâm của tất cả các hoạt động can thiệp;
- Xác định và điều chỉnh các mô hình thành công của một nước để áp dụng cho nước khác nếu phù hợp; và
- Nâng cao năng lực quốc gia phòng chống BBN nhằm hỗ trợ sự tham gia của mỗi nước ở cấp tiểu vùng, dựa trên điểm mạnh hiện nay của nước đó.

## Văn kiện Ghi nhớ COMMIT

Tại Hội nghị Liên Bộ trưởng lần thứ nhất (IMM1) vào tháng 10/2004, Văn kiện Ghi nhớ COMMIT (VKGN) đã được Chính phủ sáu nước khu vực GMS ký kết (Phụ lục A). Văn kiện gồm 5 Khoản mục với 34 Điều. Khoản V trong VKGN quy định về cơ sở và quy trình của tiến trình COMMIT, bao gồm:

- **Điều 28.** Xây dựng một Kế hoạch Hành động phòng chống buôn bán người cấp tiểu vùng giai đoạn 2005-2007 và áp dụng mọi nỗ lực cần thiết để thực hiện đầy đủ kế hoạch này
- **Điều 31.** Sơ kết việc thực hiện Kế hoạch Hành động kỳ trước và thông qua Kế hoạch Hành động cấp tiểu vùng kỳ tiếp theo thông qua cuộc họp cấp Bộ trưởng các nước trong tiểu vùng vào cuối năm 2007
- **Điều 32.** Thành lập Ban chỉ đạo liên ngành quốc gia để phối hợp với Ban thư ký của COMMIT (Dự án liên minh các tổ chức Liên Hợp Quốc phòng chống buôn bán người ở các nước tiểu vùng sông Mekong mở rộng - UNIAP) và các đối tác khác
- **Điều 33.** Kêu gọi nguồn tài trợ từ các quốc gia cũng như các tổ chức LHQ có liên quan, và các tổ chức liên chính phủ và phi chính phủ khác, khu vực tư nhân hỗ trợ về tài chính, vật chất và kỹ thuật nhằm hỗ trợ chính phủ các nước GMS nỗ lực đấu tranh phòng chống buôn bán người, bao gồm cả việc thực hiện VKGN này và Kế hoạch Hành động sắp tới.

Một số các mệnh đề khác trong phần mở đầu của VKGN COMMIT nhấn mạnh cam kết mạnh mẽ của chính phủ sáu nước chủ động trừng trị kẻ buôn người, bảo vệ quyền của nạn nhân bị buôn bán và cam kết các nguồn lực tài chính và nhân lực đối với công tác phòng chống buôn bán người:

- **Quan tâm sâu sắc** tới những khổ đau do ảnh hưởng ngày càng gia tăng của vấn nạn buôn bán người trong khu vực tiểu vùng sông Mekong mở rộng và từ các nước này đến các khu vực khác trên thế giới;
- **Khẳng định** hoàn toàn không chấp nhận việc con người bị đem ra trao đổi, mua bán, sang nhượng, bị bắt cóc và bị bóc lột, do đó bị gạt bỏ mọi quyền cơ bản nhất và không thể chuyển nhượng của mình;
- **Xác nhận** sự cần thiết phải củng cố các hoạt động tư pháp trong phòng chống buôn bán người nhằm bảo vệ công lý cho những nạn nhân bị buôn bán và chấm dứt việc bỏ qua, không trừng trị kẻ buôn người và những kẻ khác trục lợi từ hoạt động phạm tội này;
- **Công nhận** tầm quan trọng của những hình phạt thích đáng và có hiệu quả đối với những kẻ buôn bán người, kể cả quy định về việc phong tỏa và tịch thu tài sản của chúng, và số tiền thu được sẽ được sử dụng vì lợi ích của nạn nhân bị buôn bán;
- **Xác nhận** rằng qua đây Chính phủ mỗi nước cam kết sẽ thực hiện các bước một cách độc lập hay thông qua trợ giúp và hợp tác quốc tế, sử dụng tối đa các nguồn lực sẵn có với mong muốn sẽ thực hiện đầy đủ các cam kết theo đúng tiến độ như đã công nhận trong Biên bản Ghi nhớ này bằng tất cả các biện pháp phù hợp;
- **Hoàn toàn tin tưởng** rằng Biên bản Ghi nhớ này phản ánh nguyện vọng chính trị không ngừng của Chính phủ chúng tôi trong việc phối hợp chống lại nạn buôn người; và
- **Kêu gọi** tất cả các nước nằm ngoài khu vực GMS hợp tác với chúng tôi trong cuộc chiến chống lại nạn buôn người;

## **Kế hoạch Hành động Tiểu vùng COMMIT lần 1 (KHHĐTV COMMIT I, 2005-2007)**

Với mục đích biến cam kết trong VKGN thành hành động cụ thể, các Hội nghị quan chức cấp cao thường niên (SOM) cũng như các hội nghị tham vấn cấp quốc gia và cấp khu vực đã được tổ chức. Kết quả là chính phủ sáu nước đã thông qua Kế hoạch Hành động tiểu vùng giai đoạn 1 vào năm 2005 (KHHĐTV COMMIT giai đoạn I, 2005-2007), bao gồm 12 Ý tưởng Dự án (YTDA). Hội nghị Kế hoạch Chiến lược diễn ra vào tháng 8/2006 tại Viên Chăn đã đưa ra các chỉnh sửa cho KHHĐTV giai đoạn I, và 10 YTDA trong bảng dưới đây.

## **Kế hoạch Hành động tiểu vùng COMMIT giai đoạn II (KHHĐTV II, 2008-2010)**

Điều 31 trong VKGN đã quy định như sau:

*"Rà soát công tác thực hiện Chương trình Hành động và thông qua một KHHĐTV mới tại Hội nghị Liên Bộ trưởng các nước Tiểu vùng sông Mêkông vào cuối năm 2007"*

Vì vậy, điều 31 của VKGN COMMIT đã chỉ ra rằng KHHĐTV giai đoạn 1 chỉ có hiệu lực đến tháng 12/2007, do đó cần một bản KHHĐTV cho giai đoạn 2 để tiếp tục các cam kết và các hoạt động đã bắt đầu được tiến hành trong khuôn khổ của VKGN và KHHĐTV COMMIT (giai đoạn 2005- 2007). Sau khi diễn ra các hội nghị tham vấn chính phủ và phi chính phủ với sự hỗ trợ của Ban thư ký COMMIT, KHHĐTV giai đoạn I (2008-2010) được dự thảo vào cuối năm 2006 và được Chính phủ sáu nước sông Mekong thông qua ở cấp Bộ trưởng tại Hội nghị Liên bộ trưởng lần 2 (IMM2) vào tháng 12/2007 với các chỉnh sửa đối với KHHĐTV giai đoạn I như sau:

- Trong KHHĐTV I, các hoạt động xác định nạn nhân và bảo vệ nạn nhân tách riêng nhưng trong được lồng ghép vào chung cùng một tiêu đề là bảo vệ nạn nhân trong KHHĐTV II để phù hợp với VKGN ban đầu.
- Truy tố và xử phạt kẻ buôn người được lồng ghép vào các hoạt động tư pháp hình sự khác với cùng tiêu đề là tư pháp hình sự với tiêu đề và phạm vi phù hợp với VKGN.
- Các hoạt động phòng ngừa trong KHHĐTV I chỉ giải quyết các hình thức môi giới có tính chất bóc lột, do đó được mở rộng bao gồm cả các hoạt động phòng ngừa phòng chống buôn bán người trong KHHĐTV II với tiêu đề và phạm vi phù hợp với VKGN COMMIT .
- Tiêu đề của YTDA 1 và YTDA 3 được cập nhật cho phù hợp.
- Khung giám sát và đánh giá trước kia không có trong KHHĐTV I, được lồng ghép vào KHHĐTV II. Mỗi lĩnh vực hoạt động đều được chính phủ sáu nước thống nhất mục tiêu và khung thời gian cho các mục tiêu chính, và ban thư ký COMMIT xây dựng báo cáo giám sát thường niên có sử dụng khung Giám sát và Đánh giá này.

## **Kế hoạch Hành động tiểu vùng giai đoạn III (KHHĐTV III, 2011-2013)**

KHHĐTV III đã được dự thảo, thảo luận và thông qua trong nửa cuối năm 2010, tập trung vào các vấn đề sau:

- Đến nay, các cam kết trong VKGN COMMIT được phản ánh như thế nào trong KHHĐTV, và xác định các lỗ hổng cần được giải quyết trong KHHĐTV III;
- Đến nay, các cam kết trong VKGN COMMIT được Chính phủ các nước thực hiện như thế nào, và xác định các lỗ hổng cần được ưu tiên hơn trong quá trình KHHĐTV III;
- Các hoạt động hoàn thành và chưa hoàn thành của KHHĐTV I và II, và lồng ghép phù hợp một số các hoạt động chưa hoàn thành trong KHHĐTV III;
- Các thay đổi về cấu trúc trong KHHĐTV III, trong đó các hoạt động được mô tả theo hướng ít chi tiết hơn theo yêu cầu của mỗi nước về tính linh hoạt trong tiếp cận các hoạt động theo cách khác nhau; và
- Xem xét các sáng kiến phòng chống buôn bán người mới xuất hiện trên cơ sở bài học kinh nghiệm được chia sẻ trong khu vực sông Mekong, các khu vực khác của Châu Á và trên thế giới.

Về cấu trúc, KHHĐTV III (2011-2013) tương thích hơn với VKGN, bao gồm 5 lĩnh vực chính. Thuật ngữ dùng để mô tả các lĩnh vực hoạt động trong KHHĐTV I và KHHĐTV II – “YTDA” hay “Ý tưởng Dự án” không được sử dụng, mà thay bằng “Lĩnh vực” trong KHHĐTV III, thể hiện việc chú trọng vào nguyện vọng và hướng tới kết quả của tiến trình COMMIT. Liên quan tới vấn đề này, các mục tiêu và khung thời gian cho khung giám sát và đánh giá được quan tâm lớn hơn. Bên cạnh đó, giảm bớt các hoạt động tập huấn và nâng cao năng lực, chủ yếu lồng ghép vào trong từng mục tiêu, nhấn mạnh nhu cầu tập huấn và nâng cao năng lực chuyên sâu.

Trong từng lĩnh vực, các hoạt động Chính phủ các nước thống nhất là hoạt động ưu tiên được gắn thêm biểu tượng ‘★’ và khuyến khích các nước hoàn thành các hoạt động này trong giai đoạn của KHHĐTV III. Với các hoạt động khác, Chính phủ các nước COMMIT đã nhất trí thực hiện khi phù hợp, tùy thuộc và nhu cầu, tình hình và ưu tiên riêng của từng quốc gia.

Sự phát triển của các KHHĐTV được thể hiện trong bảng dưới đây.

**TIẾN TRÌNH XÂY DỰNG CÁC KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG TIỂU VÙNG  
(KHHĐTV I 2005-2007, KHHĐTV II 2008-2010, và KHHĐTV III 2011-2013)**

<b>Các YTDA trong KHHĐTV I (2005)</b>	<b>Các YTDA trong KHHĐTV I được điều chỉnh theo Hội nghị Kế hoạch chiến lược tại Viên Chăn (2006)</b>	<b>YTDA trong KHHĐTV II (2008-2010)</b>	<b>Các mục tiêu trong KHHĐTV III (2011-2013)</b>	<b>Các khoản mục trong VKGN COMMIT (ký năm 2004)</b>
YTDA 1 – Chương trình Tập huấn Khu vực	YTDA 1 – Chương trình Tập huấn Khu vực	YTDA 1 – Tập huấn và Nâng cao năng lực	Lĩnh vực 1. Chính sách và Hợp tác	I. Chính sách và Hợp tác
YTDA 2 – Xác định nạn nhân & Bắt giữ tội phạm buôn bán người	YTDA 2 – Xác định nạn nhân & Bắt giữ tội phạm buôn bán người			
YTDA 3 – Chương trình Hành động Quốc gia	YTDA 3 – Chương trình Hành động Quốc gia			
YTDA 4 – Hợp tác song phương và đa ngành	YTDA 4 – Hợp tác song phương và đa ngành			
YTDA 5 – Khung Pháp lý	YTDA 5 – Khung Pháp lý và Tương trợ tư pháp	YTDA 2 – Chương trình Hành động Quốc gia	Lĩnh vực 2. Khung pháp lý, Hành pháp và Tư pháp	II. Khung pháp lý, Hành pháp và Tư pháp
YTDA 6 – Hồi hương an toàn và kịp thời	YTDA 6 – Hồi hương an toàn và kịp thời	YTDA 3 – Hợp tác song phương và đa phương		
YTDA 7 – Hỗ trợ sau khi bị buôn bán và Tái hoà nhập	YTDA 7 – Hỗ trợ sau khi bị buôn bán, bao gồm hỗ trợ kinh tế và xã hội cho nạn nhân và Tái hoà nhập	YTDA 4 – Khung Pháp lý, Hành pháp và Tư pháp	Lĩnh vực 3. Bảo vệ, phục hồi và Tái hoà nhập	III. Bảo vệ, Hồi hương và Tái hoà nhập
YTDA 8 – Dẫn độ và Tương trợ tư pháp	YTDA 8 –Giải quyết các hình thức môi giới có tính chất bóc lột	YTDA 5 – Xác định nạn nhân, Bảo vệ, Hồi hương và Tái hoà nhập		
YTDA 9 –Giải quyết các hình thức môi giới có tính chất bóc lột	YTDA 9 – Hợp tác với ngành du lịch	YTDA 6 – Các biện pháp phòng ngừa	Lĩnh vực 4. Các biện pháp phòng ngừa và Giảm thiểu tính dễ bị tổn thương	IV. Các biện pháp phòng ngừa
YTDA 10 – Hỗ trợ kinh tế và xã hội	YTDA 10 – Quản lý: Điều phối, Giám sát và Đánh giá	YTDA 7 – Hợp tác với ngành du lịch		
YTDA 11 – Hợp tác với ngành du lịch		YTDA 8 – Quản lý: Điều phối, Giám sát và Đánh giá		
YTDA 12 – Quản lý: Điều phối, Giám sát và Đánh giá			Lĩnh vực 5. Giám sát, Đánh giá, và hệ thống dữ liệu về phòng chống BBN	V. Thực hiện, Giám sát và Đánh giá

## CÁC VAI TRÒ VÀ MỐI QUAN HỆ CHỦ YẾU TRONG TIẾN TRÌNH COMMIT HỖ TRỢ TÍNH BỀN VỮNG CỦA COMMIT

Ngay từ khi bắt đầu, tiến trình COMMIT đã xây dựng mối liên kết giữa các cơ quan Chính phủ, Liên Hợp Quốc, nhà tài trợ, tổ chức dân sự và khu vực tư nhân nhằm tận dụng lợi thế so sánh của mỗi cơ quan, tổ chức. Dưới đây là tóm tắt các vai trò và trách nhiệm của từng đối tác. UNIAP, với vai trò là Ban Thư ký của tiến trình COMMIT, thực hiện công tác điều phối, giám sát và hỗ trợ về mặt chương trình, kỹ thuật, hành chính và huy động nguồn lực cho COMMIT, cùng các đóng góp khác như một đơn vị của LHQ.

	<b>CÁC QUỐC GIA THÀNH VIÊN COMMIT</b>	<b>BAN THƯ KÝ COMMIT (UNIAP)</b>	<b>CÁC ĐỐI TÁC PHÁT TRIỂN PHỤ (CÁC TỔ CHỨC PHI CHÍNH PHỦ, XÃ HỘI DÂN SỰ, ĐỐI TÁC LIÊN HỢP QUỐC)</b>	<b>KHOẢNG NHÂN</b>
<b>HỖ TRỢ KINH PHÍ</b>				
<b>CHIA SẺ THÔNG TIN VÀ PHỔ BIẾN KẾT QUẢ</b>				
<b>THU THẬP VÀ PHÂN TÍCH DỮ LIỆU</b>				
<b>HỖ TRỢ KỸ THUẬT</b>				
<b>HỖ TRỢ HẬU CẦN</b>				
<b>NÂNG CAO NHẬN THỨC, KHUYẾN KHÍCH CỘNG ĐỒNG THAM GIA</b>				
<b>QUY TẮC ỨNG XỬ &amp; TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI CỦA DOANH NGHIỆP</b>				
<b>TUYÊN TRUYỀN VẬN ĐỘNG</b>				
<b>ĐIỀU PHỐI CÁC HOẠT ĐỘNG COMMIT</b>				
<b>GIÁM SÁT &amp; LƯỢNG GIÁ</b>				
<b>HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC CHO COMMIT</b>				

## CÁC NGUYÊN TẮC HƯỚNG DẪN CỦA TIẾN TRÌNH COMMIT

Tháng 6/2010, Chính phủ các nước COMMIT đã thống nhất các nguyên tắc hướng dẫn cho việc thực hiện các hoạt động và công tác điều phối thường ngày trong khuôn khổ tiến trình COMMIT. Các nguyên tắc hướng dẫn dưới đây.

- 1** **Hỗ trợ quyền làm chủ và thực thi của chính phủ**
- 2** **Hợp tác ở tất cả các cấp - liên kết trong mọi nỗ lực hoạt động**
- 3** **Đảm bảo các chương trình và sáng kiến dựa trên kinh nghiệm**
- 4** **Đảm bảo các chương trình được cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cần thiết đạt tiêu chuẩn quốc tế**
- 5** **Thấm nhuần tính cấp bách – thực thi các sáng kiến với nhịp độ để đạt được những kết quả tối ưu**
- 6** **Duy trì chất lượng và tính chính xác**
- 7** **Chứng minh những tác động có thể đo lường**
- 8** **Trợ giúp những người cần hỗ trợ - những người có khả năng bị buôn bán và đã bị buôn bán**

# **KHHĐTV COMMIT III (2011-2013)**

LĨNH VỰC 1

## **Chính sách & Hợp tác**

## LĨNH VỰC 1: Chính sách & Hợp tác

### Các mục tiêu của Văn Kiện Ghi Nhớ COMMIT

#### Điều 2

**Xây dựng** chương trình hành động quốc gia chống nạn buôn bán ng-ời d-ới mọi hình thức

#### Điều 3

**Hướng tới** việc thành lập và củng cố một Ủy ban quốc gia liên ngành chống buôn bán ng-ời với nhiệm vụ phối hợp thực hiện Chương trình Hành động quốc gia và những hoạt động khác phòng chống buôn bán ng-ời

#### Điều 4

**Thiết lập** các cơ chế để tăng cường hợp tác khu vực và chia sẻ thông tin, và thiết lập một đơn vị đầu mối trong nước về phòng chống buôn bán ng-ời

#### Điều 5

**Nâng cao** hợp tác khu vực phòng chống buôn ng-ời, đặc biệt là thông qua các thỏa thuận song phương và đa phương

#### Điều 6

**Tăng cường** hợp tác giữa Chính phủ các nước với các tổ chức quốc tế và các tổ chức phi chính phủ trong việc phòng chống buôn bán ng-ời

#### Điều 14

**Thúc đẩy** các thỏa thuận song phương và đa phương giữa các nước trong tiểu vùng sông Me-kong để giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động t- pháp

## Lĩnh vực 1: Chính sách và hợp tác

### Mục tiêu của KHHĐTV III (2011 – 2013)

---

1.1	Thực hiện các chương trình hành động quốc gia (phù hợp với Văn kiện Ghi nhớ COMMIT khi có thể) nhằm phòng chống nạn BBN dưới mọi hình thức với các hệ thống giám sát, báo cáo kết quả và tiến độ thường xuyên. Nguồn ngân sách nhà nước cho các ủy ban liên ngành phòng chống BBN hàng năm tăng lên để hỗ trợ các ý tưởng, sự kiện, cơ chế, hội nghị và các chi phí khác trong phòng chống BBN. Hệ thống có sự tham gia của các uỷ ban hoặc ban chỉ đạo liên ngành ở cấp quốc gia và tiểu vùng.
1.2	Thiết kế các chương trình tập huấn quốc gia toàn diện cho các nhà hoạch định chính sách và những cá nhân hoạt động trong lĩnh vực phòng chống BBN thuộc chính phủ và phi chính phủ, do đội ngũ các giảng viên cấp trung ương đảm nhiệm.
1.3	Xây dựng và giám sát các thoả thuận xuyên quốc gia ở những nơi các luồng BBN cho thấy nhu cầu ưu tiên về cơ chế này. Các kết hoạt động và quy trình hoạt động chuẩn được thực hiện, và các kế hoạch thực hiện được rà soát hàng năm.
1.4	Phối hợp phòng chống BBN với các cơ quan ban ngành liên quan và các cơ quan đa phương không thuộc vùng COMMIT có hiệu lực.
1.5	Hợp tác xuyên biên giới được hỗ trợ và củng cố một cách có hiệu quả thông qua việc phát huy chức năng của các cơ chế hợp tác giữa các cơ quan bộ ngành chính phủ và cộng đồng.
1.6	Những người bị ảnh hưởng bởi nạn buôn bán người; bao gồm các nạn nhân bị buôn bán được tham gia và tham khảo ý kiến trong giám sát và đánh giá tính hiệu quả các các chương trình phòng chống BBN quốc gia

---

## Bối cảnh

Xây dựng chính sách là nền tảng cho các hoạt động truy tố xét xử và bảo vệ, ứng phó với nạn BBN cũng như trong quá trình hợp tác song phương. Trong Kế hoạch Hành động Tiểu vùng giai đoạn II (KHHĐTV II), các lĩnh vực liên quan đến chính sách được giải quyết thông qua YTDA 2 (Chương trình hành động quốc gia) và YTDA 3 (Hợp tác Song phương và Đa phương), trong đó các quốc gia trong khu vực xây dựng và thực hiện các CTHĐQG và các thoả thuận xuyên biên giới ngày càng phức tạp.

Các quốc gia COMMIT đã đạt được những thành tựu đáng kể trong lĩnh vực chính sách kể từ khi VKGN COMMIT có hiệu lực và thông qua tiến trình thực hiện KHHĐTV I & II. Luật quốc gia đang dần chuyển hướng sang nhận diện tội phạm BBN một cách toàn diện trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực quốc tế và xây dựng các biện pháp hướng dẫn các bước cụ thể trong việc thực hiện hiệp định giữa các quốc gia. Các mục tiêu và hoạt động liên quan đến chính sách trong khuôn khổ KHĐTV III củng cố thêm những thành tựu này và đảm bảo việc xây dựng chính sách quan trọng được thực hiện một cách đầy đủ, như dự kiến, nhằm nâng cao các nỗ lực phòng chống BBN. Công tác điều phối với các chương trình hành động quốc gia có liên quan như chương trình thể hiện cam kết đối với Công ước quốc tế về quyền trẻ em (CRC) hoặc Công ước của LHQ xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW) sẽ giúp tránh sự chồng chéo giữa các chương trình (hành động quốc gia) của chính phủ.

Năng lực của đội ngũ cán bộ làm công tác phòng chống BBN ở khối chính phủ và phi chính phủ trong việc ra quyết định liên quan đến chính sách được cải thiện đáng kể thông qua giai đoạn của KHHĐTV I và KHHĐTV II với sự cải tiến Chương Trình Tập Huấn Khu Vực. KHHĐTV III sẽ tiếp tục hoàn thiện, củng cố và chuẩn hóa chương trình tập huấn này và các chương trình tập huấn chuyên sâu ở cấp quốc gia với sự trợ giúp của các giảng viên khối chính phủ và phi chính phủ đã được cấp chứng chỉ tập huấn.

**LĨNH VỰC 1: CHÍNH SÁCH VÀ HỢP TÁC (CSHT)**  
**Các hoạt động COMMIT KHHĐTV III (2011-2013)**

HOẠT ĐỘNG	MÔ TẢ
<p>★ <b>CS&amp;HT1</b> (Mục tiêu 1.1)</p> <p>Hỗ trợ Chương trình Hành động Quốc gia</p>	<p>Hỗ trợ xây dựng các CTHĐQG cũng như các hệ thống giám sát, đánh giá và báo cáo các CTHĐQG về phòng chống BBN, nhằm đảm bảo thực hiện kịp thời các hoạt động của CTHĐQG và sự kết hợp hài hòa các hoạt động phòng chống BBN cấp quốc gia hướng tới việc đạt được các mục tiêu cụ thể và mục tiêu chung của CTHĐQG</p>
<p>★ <b>CS&amp;HT2</b> (Mục tiêu 1.2)</p> <p>Tập huấn và bồi dưỡng năng lực cho các cán bộ làm trong lĩnh vực phòng chống BBN và các nhà hoạch định chính sách của mỗi quốc gia</p>	<p>Tổ chức các khóa tập huấn chung và chuyên sâu cấp khu vực, quốc gia, cấp địa phương cho các cán bộ hoạt động trong lĩnh vực phòng chống BBN và các nhà hoạch định chính sách, sử dụng tài liệu mới nhất và các giảng viên đã có chứng chỉ tập huấn</p>
<p><b>CS&amp;HT3</b> (Mục tiêu 1.3)</p> <p>Thực hiện các hiệp định song phương bao gồm xây dựng và thực hiện các Quy Trình Chuẩn (SOP)</p>	<p>Hỗ trợ thực hiện các thoả thuận xuyên biên giới/hợp tác song phương về phòng chống BBN dựa trên các đánh giá tình hình mang tính thực tiễn, sử dụng ngân sách nhà nước và nguồn nhân lực của chính phủ từ các bộ ngành phù hợp nhất. Quá trình này bao gồm hỗ trợ để cải thiện công tác điều phối các hoạt động thực thi pháp luật và các mạng lưới bảo vệ/hỗ trợ nạn nhân ở cấp cán bộ cơ sở bao gồm bồi dưỡng cho nạn nhân, bồi thường cho nạn nhân, trao đổi thông tin và chứng cứ để truy tố xét xử.</p>
<p><b>CS&amp;HT4</b> (Mục tiêu 1.4)</p> <p>Hỗ trợ hợp tác với các quốc gia không thuộc khối COMMIT</p>	<p>Hỗ trợ thực thi các hiệp định song phương và đa phương với các quốc gia và các tổ chức đa ngành nằm ngoài khu vực Mê Kông để các quốc gia và tổ chức này ủng hộ mạnh mẽ các nỗ lực phòng chống BBN.</p>
<p><b>CS&amp;HT5</b> (Mục tiêu 1.5)</p> <p>Trao đổi thông tin xuyên biên giới</p>	<p>Công tác trao đổi thông tin được thực hiện một cách hiệu quả để đấu tranh chống lại các mạng lưới BBN xuyên biên giới, được tiếp cận cấp địa phương ở các khu vực biên giới để có hành động ứng phó, cũng như tiếp cận ở cấp trung ương về các hoạt động thường xuyên.</p>

---

**CSHT 6**  
**(Mục tiêu 1.6)**

Hợp tác và tham khảo ý kiến với những cá nhân bị ảnh hưởng của nạn BBN

Tham khảo ý kiến của những cá nhân bị ảnh hưởng bởi nạn BBN, bao gồm nạn nhân và những nhóm có nguy cơ cao, trẻ em và thanh thiếu niên để lấy ý kiến của họ về các hoạt động quốc gia phòng chống BBN.

---

# **KHHĐTV COMMIT III (2011-2013)**

## **LĨNH VỰC 2**

# **KHUNG PHÁP LÝ HÀNH PHÁP VÀ TƯ PHÁP**

## LĨNH VỰC 2:

### Khung pháp lý, Hành pháp và Tư pháp

#### Các mục tiêu trong Văn kiện ghi nhớ COMMIT

- Điều 1** Khuyến khích sử dụng khái niệm về buôn bán ng- ời trong Nghị định th- về Phòng ngừa, Trấn áp và Trừng trị tội phạm buôn bán ng- ời, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em, bổ sung cho Công - ớc của Liên hiệp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia
- Điều 7** Thông qua và đảm bảo thực hiện sớm nhất có thể, pháp luật về phòng chống buôn bán ng- ời
- Điều 9** Điều tra, bắt giữ, truy tố và trừng trị bọn buôn bán ng- ời theo pháp luật quốc gia
- Điều 11** Xây dựng, phát triển quan hệ hợp tác một cách thực tế, có hiệu quả trong hệ thống t- pháp hình sự để loại bỏ việc không trừng trị bọn buôn bán ng- ời và đem lại công lý cho các nạn nhân
- Điều 12** Tăng cường hợp tác qua biên giới trong thực thi pháp luật giữa sáu quốc gia tiểu vùng sông Mekong nhằm đấu tranh phòng chống buôn ng- ời thông qua hoạt động t- pháp hình sự
- Điều 13** Cung cấp kinh phí và nguồn nhân lực cần thiết cho các hoạt động phòng chống buôn bán ng- ời cho các cơ quan thực thi pháp luật trong n- ớc

## MỤC TIÊU 2: Khung pháp lý, hành pháp và tư pháp

### Các mục tiêu của KHHĐTV III (2011-2013)

---

2.1	Xây dựng, ban hành và thực thi đầy đủ hệ thống pháp luật toàn diện về phòng chống BBN, theo định nghĩa quốc tế. Các luật xét xử tội phạm liên quan khác cũng được áp dụng trong các trường hợp phạm tội BBN, và các cán bộ điều tra cân nhắc việc truy tố tội phạm một cách đầy đủ và toàn diện.
2.2	Các cán bộ hành pháp được đào tạo và phát huy vai trò chuyên biệt, bao gồm các cơ quan chuyên trách về BBN, cán bộ xuất nhập cảnh và công an ở các khu vực điểm nóng. Lĩnh vực này bao gồm xác định nạn nhân và các kỹ năng điều tra các vụ BBN hiệu quả. Cần điều tra và xử phạt tội đồng loã và tham nhũng trong hành pháp.
2.3	Các cán bộ điều tra và truy tố xét xử liên quan tới ứng phó tư pháp hình sự về BBN được đào tạo về các lĩnh vực liên quan đến loại tội phạm này, hỗ trợ hợp tác đa ngành, các cơ chế tăng cường năng lực chung, và các mạng lưới hành pháp, truy tố xét xử và thẩm phán.
2.4	Tăng cường chất lượng công tác ứng phó tư pháp hình sự trong phòng chống BBN, bao gồm (a) lồng ghép hiệu quả hơn vào các dịch vụ hỗ trợ nạn nhân, tuyệt đối coi trọng quyền của nạn nhân; (b) các tiêu chuẩn quốc tế về quy trình đúng và sự công bằng trong điều tra và truy tố xét xử các trường hợp BBN; (c) các biện pháp dân sự được áp dụng để bổ sung vào các nỗ lực tư pháp hình sự, đưa ra nhiều lựa chọn hơn cho nạn nhân cần hỗ trợ pháp lý; và (d) thẩm phán hiểu vai trò độc lập và không thiên vị trong các vụ án buôn bán người, chú trọng việc đưa ra các bằng chứng đáng tin cậy và kiểm chứng lời cáo buộc từ đầu mối đáng tin cậy

---

## Bối cảnh

Ứng phó tư pháp hình sự liên quan đến BBN được xây dựng dưới YTDA4 về “Khung pháp lý, Hành pháp và Tư pháp” trong khuôn khổ KHHĐTV II. Các hoạt động được thực hiện trong giai đoạn này đã tạo ra những tiến bộ đáng kể trong quá trình thực hiện các nỗ lực phòng chống BBN chuyên sâu, đặc biệt với hỗ trợ của dự án ARTIP do Cơ quan Viện Trợ Phát triển Quốc tế của chính phủ Úc (AUSAID). Những nỗ lực này bao gồm các hoạt động như hỗ trợ xây dựng các đơn vị chuyên trách ở cấp quốc gia và cấp địa phương và tập huấn về phòng chống BBN cho cán bộ trong lĩnh vực hình sự tư pháp.

Một số quốc gia COMMIT cũng đã rà soát các ca BBN đã được xử lý thông qua hệ thống tư pháp hình sự, trong đó các phân tích nêu rõ những hoạt động tư pháp hình sự nói chung và hướng cải thiện chất lượng truy tố xét xử.

Trong khuôn khổ KHHĐTV III, mục tiêu liên quan đến hệ thống tư pháp hình sự nhằm xây dựng nền tảng đã có trong KHHĐTV I và II. Các hoạt động được xây dựng dựa trên sự phân tích các kết quả đạt được trong giai đoạn KHHĐTV II và các tiêu chuẩn chất lượng quốc tế được đề xuất làm nền tảng cho những hoạt động tư pháp hình sự mạnh mẽ hơn liên quan đến BBN trong chương trình tập huấn phòng chống BBN COMMIT:

1. Khung pháp lý hiệu quả;
2. Hoạt động của lực lượng công an chuyên trách;
3. Hoạt động của lực lượng thực thi pháp luật cấp cơ sở;
4. Hoạt động truy tố xét xử;
5. Xác định nạn nhân chính xác, bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân sau khi được sàng lọc;
6. Hỗ trợ nạn nhân với tư cách là nhân chứng;
7. Hợp tác quốc tế và;
8. Điều phối các trợ giúp trong các hoạt động tư pháp hình sự liên quan đến BBN.

Năng lực của cán bộ thực thi pháp luật và pháp lý để thực hiện nhiệm vụ một cách hiệu quả đã được cải thiện đáng kể trong giai đoạn KHHĐTV I và KHHĐTV II thông qua một loạt các khóa tập huấn chuyên sâu của các đối tác khác nhau. KHHĐTV III sẽ tiếp tục cải thiện, tổng hòa và chuẩn hóa các khóa tập huấn chuyên sâu ở cấp quốc gia, sử dụng giảng viên chính phủ và phi chính phủ được cấp chứng chỉ, và nhằm mục đích tăng cường mạng lưới cán bộ điều tra, truy tố, xét xử ở cấp quốc gia và cấp khu vực.

**LĨNH VỰC 2: Khung pháp lý, Hành pháp và Tư pháp**  
**Các hoạt động KHHĐTV III (2011-2013)**

<b>HOẠT ĐỘNG</b>	<b>MÔ TẢ</b>
<p>★TPHS1 (Mục tiêu 2.1)</p> <p>Luật phòng chống BBN với định nghĩa quốc tế về BBN và việc áp dụng các luật hình sự chống lại kẻ buôn người khác</p>	<p>Hỗ trợ phân tích, dự thảo, thông qua và thực hiện luật phòng chống BBN trong đó định nghĩa tội BBN phù hợp với định nghĩa quốc tế; phân biệt với các loại tội phạm khác; có các điều khoản liên quan đến hỗ trợ nạn nhân. Các tội hình sự có liên quan, bao gồm cho vay nặng lãi, các vi phạm về lao động và xuất nhập cảnh hoặc luật chống rửa tiền cũng được xem xét khi cần thiết/phù hợp với việc áp dụng và được xem xét ở góc độ tiếp cận tổng hợp để truy tố tội phạm.</p>
<p>TPHS2 (Mục tiêu 2.2)</p> <p>Tăng cường hoạt động của các đơn vị chuyên trách thực thi pháp luật</p>	<p>Hỗ trợ thiết lập và tăng cường hoạt động của các đơn vị chuyên trách phòng chống BBN trong khối thực thi pháp luật, có đủ nguồn lực để hoạt động và có đủ kỹ năng chuyên môn để đấu tranh phòng chống BBN hiệu quả, tích cực trong bối cảnh quốc gia.</p>
<p>TPHS3 (Mục tiêu 2.2)</p> <p>Hỗ trợ điều tra chủ động</p>	<p>Hỗ trợ điều tra các ca BBN và tài liệu hoá những ca truy tố xét xử những kẻ hưởng lợi chính trong các mạng lưới hình sự, thực hiện công tác điều tra mà không quá phụ thuộc vào nạn nhân với tư cách là nhân chứng.</p>
<p>★TPHS4 (Mục tiêu 2.3)</p> <p>Tăng cường điều phối các hoạt động trong hệ thống tư pháp hình sự và bảo vệ nạn nhân.</p>	<p>Bồi dưỡng năng lực cho cán bộ tư pháp hình sự và cán bộ cung cấp dịch vụ cho nạn nhân xử dụng các ca điển hình để họ cải thiện hiệu quả công việc với nạn nhân và cho các cán bộ khác trong tiến trình tư pháp hình sự sẵn sàng tham gia, lưu ý đến nhu cầu của nạn nhân và cung cấp cho nạn nhân những biện pháp bảo vệ nạn nhân và nhân chứng toàn diện trong tất cả các giai đoạn của các ca hình sự.</p> <p>Về tổng thể, thiết lập và tăng cường cơ chế bảo vệ pháp lý cho nạn nhân, gia đình, nhân chứng, người cung cấp thông tin, bao gồm: các biện</p>

		<p>pháp bồi thường và hoàn trả cho nạn nhân; cơ hội cho nạn nhân khiếu nại trong lĩnh vực tư pháp hình sự, các ca dân sự và luật lao động; các biện pháp bảo vệ nạn nhân và nhân chứng, bao gồm các biện pháp bảo vệ thân thiện với trẻ em khi cần thiết; các biện pháp bảo vệ chỉ được áp dụng sau khi tham khảo và được sự đồng ý của nạn nhân là người lớn; và các chiến lược bảo vệ và truy tố bổ sung nhằm đảm bảo an toàn cho nạn nhân.</p>
<p><b>TPHS5</b> <b>(Mục tiêu 2.3)</b></p>	<p><b>Tập huấn chuyên sâu đa ngành và xây dựng mạng lưới cho cán bộ hoạt động trong lĩnh vực tư pháp hình sự</b></p>	<p>Hỗ trợ tập huấn và xây dựng mạng lưới cho tất cả nhân sự tham gia vào hệ thống tư pháp hình sự về các nội dung kỹ thuật phù hợp với vai trò của họ liên quan đến pháp luật cũng như các mối quan ngại về bảo vệ nạn nhân. Hỗ trợ mạng lưới các quan chức thực thi pháp luật chủ chốt, các kiểm sát viên tập trung vào các ca BBN qua biên giới sau khi tham khảo ý kiến ở cấp khu vực và song phương về công tác điều phối ca và các chiến lược cần thiết khác.</p>
<p><b>TPHS6</b> <b>(Mục tiêu 2.4)</b></p>	<p><b>Theo dõi các ca BBN để đảm bảo tính xuyên suốt và đúng đắn trong truy tố xét xử.</b></p>	<p>Có các biện pháp phù hợp để theo dõi công tác truy tố các ca BBN để đảm bảo mức án đúng người đúng tội, và có đầy đủ chứng cứ hỗ trợ cho án tòa tuyên, bao gồm thông qua quan sát tại tòa, phân tích ca và tham vấn kỹ thuật.</p>
<p><b>TPHS7</b> <b>(Mục tiêu 2.4)</b></p>	<p><b>Tăng cường khả năng tiếp cận hệ thống tư pháp và bồi thường thông qua bồi thường dân sự cho nạn nhân</b></p>	<p>Các quốc gia COMMIT rà soát các cơ chế luật dân sự, đặc biệt liên quan đến bồi thường và quyền cho lao động di cư để tiến tới xuất bản cẩm nang dành cho cán bộ cấp cơ sở phù hợp với bối cảnh quốc gia, xuất bản sách trắng cho BCD COMMIT và các khóa tập huấn có liên quan cũng như phân phát thông tin về luật dân sự cho khối tư nhân, khối chính phủ và khối nghiên cứu khoa học</p>

## **KHHĐTV COMMIT III (2011-2013)**

LĨNH VỰC 3:

**BẢO VỆ, PHỤC HỒI & (TÁI) HOÀ NHẬP**

## LĨNH VỰC 3: BẢO VỆ, PHỤC HỒI & (TÁI) HOÀ NHẬP

### Các mục tiêu trong Văn kiện ghi nhớ COMMIT

- Điều 8** Đưa ra những hướng dẫn thích hợp và tập huấn cho các cán bộ có liên quan, giúp xác định nhanh và chính xác các nạn nhân bị buôn bán và hoàn thiện quá trình điều tra, truy tố và xét xử
- Điều 10** Hỗ trợ cho nạn nhân về pháp lý và các thông tin bằng ngôn ngữ mà họ hiểu được
- Điều 15** Tăng cường xem xét các khía cạnh nhạy cảm về giới và trẻ em trong các hoạt động liên quan tới các nạn nhân bị buôn bán
- Điều 16** Đảm bảo những người được xác định là nạn nhân không bị các lực lượng thi hành pháp luật giam giữ;
- Điều 17** Cung cấp cho tất cả các nạn nhân bị buôn bán nơi tạm trú và những hỗ trợ cần thiết về y tế, giáo dục, pháp lý, thể chất và tâm lý xã hội
- Điều 18** Áp dụng các chính sách và cơ chế bảo vệ và hỗ trợ những người là nạn nhân bị buôn bán
- Điều 19** Tăng cường năng lực cho các Đại sứ quán và Lãnh sự quán để đảm bảo các cơ quan này có thể hỗ trợ có hiệu quả hơn cho các nạn nhân bị buôn bán
- Điều 20** Đảm bảo hợp tác qua biên giới trong việc đưa các nạn nhân bị buôn bán trở về an toàn, kể cả việc hỗ trợ cho họ sống tốt
- Điều 21** Phối hợp để tạo điều kiện cho các nạn nhân bị buôn bán được phục hồi và tái hoà nhập thành công và không để họ bị tái buôn bán

## Mục tiêu 3: Bảo vệ, Phục hồi & (Tái) hoà nhập

### Các mục tiêu của KHHĐTV III (2011-2013)

---

3.1	Thực hiện và phát huy chức năng của các hệ thống và hướng dẫn nhằm đảm bảo nạn nhân được xác minh và được cung cấp các hỗ trợ cá nhân hoá, phù hợp với giới tính và độ tuổi sau khi xác định được lợi ích tốt nhất của nạn nhân, và cung cấp thông tin bằng ngôn ngữ nạn nhân có thể hiểu; tăng cường công tác xác định nạn nhân, được đo lường thông qua việc đánh giá và thu thập thông tin phản hồi từ nạn nhân bị buôn bán.
3.2	Thực hiện và phát huy chức năng của các hệ thống và hướng dẫn nhằm đảm bảo nạn nhân không bị các cơ quan thực thi pháp luật giữ trong trại tạm giam hay nhà tạm trú hoặc các nơi giam giữ khác chống lại ý muốn của nạn nhân (đặc biệt là người lớn).
3.3	Thực hiện và phát huy chức năng của các hệ thống và hướng dẫn nhằm đảm bảo nạn nhân được cung cấp các lựa chọn hồi hương và tái hoà nhập an toàn và kịp thời, cải thiện hợp tác xuyên biên giới, được đo lường thông qua việc đánh giá và lấy thông tin phản hồi từ nạn nhân bị buôn bán.
3.4	Thực hiện và phát huy chức năng của các hệ thống và hướng dẫn nhằm đảm bảo nạn nhân được cung cấp các lựa chọn (tái) hoà nhập phù hợp và cá nhân hoá, bao gồm các lựa chọn sinh kế phù hợp và khả thi, cải thiện các dịch vụ thông qua việc đánh giá và thông tin phản hồi từ nạn nhân bị buôn bán
3.5	Đội ngũ những người cung cấp dịch vụ hỗ trợ nạn nhân được đào tạo tốt, gắn kết mạng lưới với nhau và phát huy vai trò và chức năng riêng biệt theo tiêu chuẩn quốc tế liên quan tới chất lượng của việc chăm sóc và đối xử với nạn nhân của BBN

---

## Bối cảnh

Trọng tâm của các hoạt động bảo vệ nạn nhân trong khuôn khổ KHHĐTV II (2008-2010) là hỗ trợ việc xây dựng các hướng dẫn cấp khu vực và quốc gia về xác định nạn nhân, hồi hương và chất lượng của công tác chăm sóc trong các dịch vụ bảo vệ nạn nhân. Chính phủ các nước COMMIT đã xây dựng nguyên tắc hướng dẫn cấp khu vực về bảo vệ nạn nhân năm 2007, trước khi thông qua KHHĐTV II, tiếp đó tập trung vào xây dựng các hướng dẫn và quy trình hoạt động xác định và bảo vệ nạn nhân cấp quốc gia phù hợp với các nguyên tắc hướng dẫn cấp khu vực.

Hướng dẫn và quy trình xác định nạn nhân là một trọng tâm chính trong KHHĐTV II, đặc biệt khi có những thay đổi của khung pháp lý về giải quyết và định nghĩa BBN ở khu vực sông Mekong. Giai đoạn cuối KHHĐTV II tập trung nhiều hơn cho việc thực hiện quy trình sàng lọc nạn nhân, và nâng cao năng lực cho các cơ quan tuyển đầu và những người tiếp cận trực tiếp với người bị BBN. Điểm này dự kiến sẽ được tiếp tục trong giai đoạn của KHHĐTV III, đặc biệt khi xác định nạn nhân luôn là bước đầu tiên quan trọng nhất cho các biện pháp bảo vệ và tư pháp hình sự.

Để chuẩn bị cho KHHĐTV III, hiệu quả và chất lượng của các chương trình bảo vệ nạn nhân và tái hoà nhập trong KHHĐTV II đã được xem xét và đánh giá vào cuối năm 2010. Các bài học kinh nghiệm từ sáng kiến nghiên cứu cấp khu vực này, trong đó lưu tâm đến tiếng nói của nạn nhân cũng như cung cấp hơn nữa các thước đo chất lượng dịch vụ chăm sóc, nhằm hỗ trợ việc xây dựng chương trình tái hoà nhập trong khuôn khổ KHHĐTV COMMIT III hiệu quả hơn.

Năng lực của các cán bộ làm công tác bảo vệ nạn nhân được cải thiện đáng kể trong quá trình thực hiện KHHĐTV I và KHHĐTV II với một loạt hướng dẫn về cải thiện cơ sở hỗ trợ chuyên biệt và tập huấn về đạo đức nghề nghiệp. KHHĐTV III sẽ tiếp tục cải tiến, củng cố và tiêu chuẩn hoá tập huấn chuyên biệt ở cấp quốc gia, trong đó sẽ huy động các giảng viên thuộc chính phủ và phi chính phủ đã có chứng chỉ tập huấn.

**Mục tiêu 3: Bảo vệ, Phục hồi & (Tái) hoà nhập**  
**Các hoạt động của KHHĐTV III (2011-2013)**

HOẠT ĐỘNG	MÔ TẢ
<p>★BV1 (Mục tiêu 3.1)</p> <p>Hướng dẫn xác định nạn nhân và Quy trình thực hiện chuẩn (SOPs)</p>	<p>Xây dựng và thực hiện hướng dẫn xác định nạn nhân BBN cấp quốc gia giải quyết các hình thức BBN theo chuẩn mực quốc tế. Những hướng dẫn này có thể được thông qua trong khuôn khổ khung pháp lý, được xây dựng dựa trên các ý kiến đóng góp của cán bộ cơ sở, nhà hoạch định chính sách và người hưởng thụ; được phổ biến rộng rãi cho các bộ làm công tác xác định nạn nhân. Mọi trao đổi với nạn nhân trong suốt quá trình sàng lọc cần sử dụng tiếng mẹ đẻ của nạn nhân.</p>
<p>BV2 (Mục tiêu 3.2)</p> <p>Giám sát và báo cáo việc tạm giữ nạn nhân của buôn bán người</p>	<p>Xây dựng và thực hiện các hệ thống để chính phủ các nước COMMIT giám sát và chia sẻ thông tin về việc tạm giữ nạn nhân BBN nhằm tìm kiếm hỗ trợ trong những trường hợp nạn nhân bị tạm giữ, thiết lập cơ chế khiếu nại hoặc báo cáo nhằm nhận diện và hỗ trợ nạn nhân bị tạm giữ, và tăng cường vai trò của cán bộ Đại sứ quán trong việc hỗ trợ nạn nhân BBN bị tạm giữ.</p>
<p>★BV3 (Mục tiêu 3.3)</p> <p>Hướng dẫn Hồi hương/tái hoà nhập và bảo vệ nạn nhân và Quy trình Hoạt động chuẩn (SOPs)</p>	<p>Xây dựng và thực hiện các hướng dẫn hồi hương và bảo vệ nạn nhân. giải quyết tất cả các hình thức/phương thức BBN trên cơ sở phù hợp với các chuẩn mực quốc tế. Các hướng dẫn này phải có sự gắn kết rõ ràng tới quyền và các vấn đề bảo vệ trong luật pháp quốc gia cũng như các hiệp định song phương và đa phương; có sự điều phối xuyên quốc gia để đảm bảo nạn nhân hồi hương an toàn và kịp thời. Các cơ chế dịch vụ cần có các hệ thống quản lý ca để điều phối ca; cung cấp một loạt các dịch vụ (ví dụ chăm sóc tại cơ sở, hồi gia, y tế, hỗ trợ tâm lý, giáo dục/đào tạo, cải thiện điều kiện sống, trợ giúp pháp lý v.v.v) thông qua các chương trình lưu trú hoặc phi lưu trú; cung cấp cho nạn nhân các lựa chọn để cải thiện cuộc sống tại điểm đến và bổ sung các nguyên tắc về đạo đức như bảo vệ dữ liệu, tính bảo mật, tính riêng tư và sự đồng thuận.</p>

---

**BV4**  
(Mục tiêu  
3.3)

Hỗ trợ xây dựng hướng dẫn hoạt động và bồi dưỡng năng lực trong quản lý cơ sở lưu trú (nhà tạm lánh), chăm sóc thay thế và các cơ chế chuyển tuyến

Xây dựng và thực hiện các hướng dẫn về bảo vệ nạn nhân, chất lượng tiêu chuẩn chăm sóc, hệ thống quản lý ca, các công cụ tự đánh giá nhà mở/nhà tạm lánh, và các cơ chế chuyển tuyến lấy nạn nhân làm trung tâm phù hợp với chuẩn mực quốc tế đáp ứng tất cả các hình thức BBN khác nhau. Những hướng dẫn này được các cán bộ làm việc tại cấp cơ sở phổ biến và thực hiện và được theo dõi thường xuyên để đánh giá mức độ tuân thủ, cùng với nâng cao năng lực chuyên sâu khi cần.

---

**★BV5**  
(Mục tiêu  
3.4)

Hỗ trợ (tái) hòa nhập hiệu quả

Cung cấp hỗ trợ tái hòa nhập cộng đồng dài hạn dựa trên lợi ích tốt nhất của nạn nhân, quyền lợi của họ theo luật pháp của nước đi và nước đến, và liên quan đến hỗ trợ học nghề và cải thiện điều kiện kinh tế - cần có nghiên cứu thị trường để xác định các biến số kinh tế và xã hội thay thế để cải thiện điều kiện sống tại địa bàn tái hòa nhập. Có các hệ thống theo dõi hiệu quả công tác hỗ trợ tái hòa nhập dựa trên phản hồi của thân chủ cũng như các chỉ số đo mức độ nghị lực và trao quyền liên quan đến góc độ tâm lý và kinh tế.

---

**BV6**  
(Mục tiêu  
3.4)

Theo dõi hiệu quả công tác hỗ trợ nạn nhân và phòng chống bị tái buôn bán/hoặc nạn nhân trở thành kẻ buôn người/dẫn mối

Xây dựng và thực hiện các cơ chế theo dõi và lượng giá để xem xét tính hiệu quả của công tác hỗ trợ nạn nhân, lưu ý các biện pháp để đảm bảo tiêu chuẩn quốc tế cũng như phản hồi của nạn nhân bị buôn bán. Công tác theo dõi cũng sẽ đánh giá việc phòng chống bị tái buôn bán/hoặc nạn nhân trở thành kẻ buôn người/môi giới và bao gồm công tác chia sẻ thông tin giữa các quốc gia đi, đến và trung chuyển.

---

**BV7**  
(Mục tiêu  
3.5)

Tập huấn chuyên sâu và kỹ năng để hỗ trợ và bảo vệ nạn nhân dựa trên các cách tiếp cận dựa trên quyền của nạn nhân và cá nhân hóa nhu cầu.

Tổ chức các khóa tập huấn chuyên ngành và hỗ trợ kỹ thuật cho các nhà cung cấp dịch vụ dành cho nạn nhân, bao gồm cả khối chính phủ và phi chính phủ cũng như các Đại sứ quán và các cơ quan khác tham gia vào công tác hồi hương song phương, để nâng cao tính hiệu quả của các dịch vụ hỗ trợ, đảm bảo chất lượng quốc tế của các hướng dẫn về chăm sóc và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, và tăng cường cách tiếp cận thân thiện với trẻ em cũng như đảm bảo quyền lợi tốt nhất của nạn nhân trẻ em và người lớn.

## **KHHĐTV COMMIT III (2011-2013)**

LĨNH VỰC 4:

# **CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA VÀ GIẢM THIỂU NGUY CƠ BỊ BB**

## LĨNH VỰC 4: Các biện pháp phòng ngừa và giảm thiểu nguy cơ bị buôn bán

### Các mục tiêu trong VKGN COMMIT

#### Điều 22

**Áp dụng** các biện pháp làm giảm khả năng dễ bị buôn bán bao gồm: hỗ trợ cho các chương trình xoá đói giảm nghèo; tăng cường các cơ hội về kinh tế; đảm bảo việc tiếp cận với giáo dục có chất lượng và đào tạo kỹ năng; và cung cấp các giấy tờ pháp lý cá nhân cần thiết; bao gồm cả đăng ký khai sinh.

#### Điều 23

**Hỗ trợ** xây dựng mạng lưới bảo vệ và giám sát ở cộng đồng nhằm sớm phát hiện và can thiệp đối với những người thuộc nhóm có nguy cơ cao.

#### Điều 24

**Nâng cao** nhận thức của cộng đồng ở các cấp, bao gồm việc thông qua các chiến dịch truyền thông, cả về mối nguy hiểm và tác hại của nạn buôn bán người, cũng như về những hỗ trợ sẵn có cho các nạn nhân.

#### Điều 25

**Áp dụng** luật lao động quốc gia để bảo vệ quyền lợi của người lao động dựa trên các nguyên tắc bình đẳng và không phân biệt đối xử.

#### Điều 26

**Khuyến khích** các nước là điểm đến, kể cả các nước nằm ngoài khu vực tiểu vùng sông Mekong, thực thi có hiệu quả luật pháp trong nước có liên quan làm giảm bớt việc chấp nhận bóc lột người, tiếp tay cho nhu cầu ngày càng tăng về sử dụng lao động là các nạn nhân bị buôn bán và ngăn chặn tội phạm buôn bán phụ nữ trẻ em thông qua hợp tác tương trợ.

#### Điều 27

**Tăng cường** hợp tác với khu vực tư nhân, đặc biệt là các ngành giải trí và du lịch, để các ngành này tham gia tích cực vào cuộc chiến phòng chống buôn người

## Lĩnh vực 4: Các biện pháp phòng ngừa và giảm thiểu nguy cơ bị BB

### Các mục tiêu của KHHĐTV III (2011-2013)

---

- 4.1 Xây dựng, thử nghiệm, chia sẻ và nhân rộng các biện pháp cấp quốc gia và/hoặc địa phương, cấp khu vực nhằm xác định và giảm thiểu tính dễ bị tổn thương của BBN phù hợp và hiệu quả về chi phí.
- 
- 4.2 Xây dựng và tăng cường mạng lưới bảo vệ cộng đồng và giám sát, đặc biệt ở các khu vực điểm nóng xác định theo kinh nghiệm ở nước đến và nước nguồn, nhằm xác định và giải quyết nhu cầu của nhóm nguy cơ.
- 
- 4.3 Xây dựng, thử nghiệm và nhân rộng các chiến dịch truyền thông và nhân cao nhận thức của cộng đồng nhằm giải quyết nạn BBN, di cư an toàn, và quyền của người lao động theo đánh giá về tác động tích cực trong thay đổi hành vi.
- 
- 4.4 Áp dụng luật lao động quốc gia để bảo vệ quyền của người lao động trên cơ sở các nguyên tắc chống phân biệt đối xử và công bằng, phát huy chức năng của các cơ chế thanh tra lao động và tổ giác để xác định và xử lý các trường hợp bóc lột lao động.
- 
- 4.5 Tăng cường hợp tác với khu vực tư nhân nhằm mở rộng vai trò chủ động trong phòng chống BBN; việc này này có thể bao gồm nhưng không giới hạn cho các doanh nghiệp và hiệp hội doanh nghiệp trong ngành du lịch, vận tải, giải trí và xuất khẩu, hoặc bất cứ ngành nào có nhiệm vụ xã hội liên quan tới phòng chống BBN.
-

## **Bối cảnh**

Mục tiêu tổng thể của hợp phần này là nhằm củng cố các nỗ lực phòng ngừa buôn bán người và bóc lột, giảm thiểu nguy cơ bị buôn bán và trấn áp các hình thức tuyển dụng và môi giới có tính chất bóc lột. Trước đây, các hoạt động phòng ngừa chủ yếu tập trung vào bên cung; chú trọng vào giải quyết các yếu tố dễ bị tổn thương của cộng đồng mục tiêu, thông qua các chiến dịch nâng cao nhận thức, đào tạo nghề, tài chính vi mô hoặc các chương trình tăng cường giáo dục cho trẻ em có nguy cơ. Mặc dù vẫn tiếp tục thực hiện các nỗ lực này nhưng các chương trình khác cũng thừa nhận thực tế là người dân sẽ vẫn tiếp tục di cư - thường mang lại lợi ích lẫn nhau cho cả nước gửi và nước đến, cũng như cho chính bản thân người đi. Do vậy, các chiến dịch nâng cao nhận thức đã chuyển mục đích từ giảm thiểu di cư sang tập trung vào giảm thiểu di cư không an toàn, bao gồm cả di cư để thoát khỏi tình trạng khổ sở.

Các chiến lược nhằm mục đích phòng ngừa BBN cần tính đến yếu tố cầu là một nguyên nhân, và các yếu tố khác có thể làm gia tăng nguy cơ bị buôn bán bao gồm sự bất bình đẳng về kinh tế và/hoặc xã hội, và các hình thức phân biệt đối xử và định kiến. Các nỗ lực phòng ngừa cần phân biệt sự khác nhau giữa các yếu tố bị tổn thương của nam giới và phụ nữ do sự phân chia lao động theo giới ở các ngành là khác nhau, cách thức ra quyết định di cư đối với nam giới và phụ nữ cũng khác nhau (ví dụ như xu hướng đi qua môi giới, và khoản tiền sẵn sàng trả cho chi phí di cư của nam giới so với phụ nữ), và các yếu tố liên quan đến giới khác. Các chiến lược phòng ngừa hiệu quả cần dựa trên cơ sở kinh nghiệm hiện có và dữ liệu chính xác mang tính địa phương về tính dễ bị tổn thương, và cần thực hiện ở nước nguồn, nước đến, nước trung chuyển và dọc biên giới.

## Lĩnh vực 4: Các biện pháp phòng ngừa và Giảm thiểu nguy cơ bị BB Các hoạt động của KHHĐTV III (2011-2013)

HOẠT ĐỘNG	MÔ TẢ
★PN1 Mục tiêu4.1	Hỗ trợ các sáng kiến đã được kiểm chứng trên thực tế để giảm thiểu tính dễ bị tổn thương với BBN, bóc lột, di cư không an toàn, bao gồm các hoạt động trao quyền năng kinh tế để thúc đẩy các lựa chọn để cải thiện điều kiện sống thay thế di cư không an toàn; nâng cao nhận thức có trọng tâm, bao gồm cung cấp thông tin về quyền lợi người lao động và di cư an toàn; cung cấp giấy tờ pháp lý cá nhân cần thiết bao gồm giấy khai sinh.
PN2 Mục tiêu4.2	Hỗ trợ các hệ thống bảo vệ và kiểm soát tại cộng đồng và khu vực biên giới nhằm vào các cộng đồng có nguy cơ ở cấp địa phương và cấp quốc gia, bao gồm bồi dưỡng năng lực cho cán bộ cấp cơ sở và nhân sự chịu trách nhiệm trong hệ thống kiểm soát, và phân phát thông tin về di cư an toàn và các dịch vụ phù hợp sẵn có cho nạn nhân BBN hoặc bị bóc lột; kết nối các hệ thống ở địa phương này với các cơ quan hữu quan của chính phủ.
PN3 Mục tiêu4.3	Nâng cao nhận thức cho công chúng về BBN và di cư an toàn thông qua các cơ quan truyền thông đại chúng, báo chí, các buổi hội họp ở cộng đồng, tiếp cận đồng đẳng, hòa nhạc, thuyết trình, tập huấn, kịch đường phố, phim tài liệu, ca nhạc hoặc các hình thức truyền thông khác phù hợp với nhóm đối tượng được nâng cao nhận thức.
★PN4 Mục tiêu4.4	Hỗ trợ thực hiện luật lao động trong nước để bảo vệ quyền lợi của người lao động thông qua các biện pháp quy định tốt hơn về quy trình tuyển dụng lao động; theo dõi việc thanh tra và tăng cường mối liên kết giữa thanh tra lao động với các cơ quan thực thi pháp luật. Giám sát các công ty môi giới hôn nhân và các cơ sở cho

		<p>nhận con nuôi; bồi dưỡng năng lực cho tùy viên lao động và các quan chức lãnh sự để họ hợp tác với chính quyền của quốc gia nhận lao động, cộng đồng người di cư, công ty nhận lao động. Phổ biến thông tin về quyền lợi người lao động bằng ngôn ngữ phù hợp, bao gồm thông tin về các số điện thoại khẩn cấp; và các dịch vụ/đường dây nóng hỗ trợ bảo vệ người di cư.</p>
<p><b>PN 5</b> Mục tiêu 4.4</p>	<p>Nâng cao vai trò và năng lực cho các cán bộ không thuộc lực lượng công an trong thực thi luật quốc gia nhằm giảm thiểu bóc lột</p>	<p>Hỗ trợ Truyền thông, tập huấn, xây dựng mạng lưới để khuyến khích tất cả các thanh phần tham gia phòng chống BBN ở nước đến nhằm vào các cơ sở lao động bóc lột người và thực hiện tốt luật hình sự và luật lao động để phòng ngừa và giảm thiểu mức độ bóc lột.</p>
<p><b>PN 6</b> Mục tiêu 4.5</p>	<p>Hợp tác với khu vực tư nhân và gắn kết với trách nhiệm xã hội</p>	<p>Tăng cường khuyến khích khối tư nhân tham gia vào cuộc chiến phòng chống BBN, thông qua truyền thông nâng cao nhận thức, khuyến khích tham gia vào các sáng kiến đối tác công/tư nhân; tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp về quy tắc ứng xử; và xây dựng trách nhiệm xã hội cho ngành nghề với các doanh nghiệp và/hoặc các đơn vị có chức năng xã hội chủ chốt</p>

## **KHHĐTV COMMIT III (2011-2013)**

### **LĨNH VỰC 5**

# **GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ & HỆ THỐNG DỮ LIỆU VỀ PHÒNG CHỐNG BBN**

## LĨNH VỰC 5: Giám sát, Đánh giá & Hệ thống dữ liệu về phòng chống BBN

### Các mục tiêu trong VKGN COMMIT

- Điều 29** Xây dựng quy trình thu thập và phân tích thông tin, dữ liệu về các vụ án buôn bán ng-ời và đảm bảo các chiến lược phòng chống buôn bán ng-ời đ-ợc xây dựng trên cơ sở những nghiên cứu, kinh nghiệm và phân tích mới nhất và chính xác
- Điều 30** Thiết lập một hệ thống giám sát việc thực hiện Kế hoạch hành động, đánh giá đúng thực trạng và nỗ lực của mỗi quốc gia trong quá trình thực hiện các cam kết, ít nhất là có các cuộc họp quan chức cao cấp thường niên

### Lĩnh vực 5: Giám sát, Đánh giá & Hệ thống dữ liệu về phòng chống BBN

#### Các mục tiêu của KHHĐTV III (2011-2013)

- 5.1** Xây dựng, phát huy chức năng hệ thống dữ liệu thu thập dữ liệu chủ chốt về BBN, với sự hỗ trợ của chính phủ trong khuôn khổ nhiệm vụ và ngân sách.
- 5.2** Nâng cao hoạt động phòng chống buôn bán người thông qua cải thiện công tác nghiên cứu và phân tích, bao gồm xác định các nhân tố dễ bị tổn thương đã được kiểm chứng thực tế, thủ đoạn của kẻ buôn người, và tính hiệu quả của luật pháp, chính sách và các biện pháp.
- 5.3** Xuất bản báo cáo giám sát thường niên, cũng như đánh giá cuối cùng về tiến độ của các nước COMMIT trên cơ sở các mục tiêu và mục đích đã thống nhất trong KHHĐTV III (2011-2013).
- 5.4** Hoàn thành đánh giá tác động của KHHĐTV III, đo lường tác động của các biện pháp phòng ngừa, bảo vệ và truy tố xét xử khu vực sông Mekong trong vòng một năm thực hiện KHHĐTV III.

## Bối cảnh

Có nhiều loại dữ liệu có thể sử dụng hiệu quả trong đo lường tác động của các nỗ lực phòng chống BBN (bao gồm chính sách, phòng ngừa, truy tố xét xử và bảo vệ); dưới đây là ví dụ về ba loại dữ liệu. Để theo dõi xu hướng của BBN theo thời gian, dữ liệu này cần được thu thập theo các phương pháp đơn giản ở nhiều địa điểm và theo lịch trình định kỳ. KHHĐTV III nhấn đến việc thiết lập hệ thống dữ liệu của toàn quốc gia và khu vực, thu thập và phân tích các loại dữ liệu này với mục đích nâng cao nền tảng thực tế cho các biện pháp phòng chống buôn bán người.

- Dữ liệu về nạn nhân và các nhân tố dễ bị tổn thương:** Dữ liệu này được thu thập từ quá trình phỏng vấn nạn nhân của buôn bán người. Dữ liệu này được coi là tốt nhất khi đối chiếu lời kể của nạn nhân với lời kể của những người không phải nạn nhân, nhằm so sánh các điều kiện về gia đình, cộng đồng, việc làm và huỷ được các yếu tố nguy cơ bị buôn bán, và các nhân tố bảo vệ hỗ trợ phòng ngừa bị buôn bán. Các nguồn dữ liệu này có thể bao gồm:
  - **Cộng đồng là điểm nóng ở khu vực nguồn**, đối chiếu với tình hình những người di cư thành công, những người di cư không thành công (ví dụ nạn nhân bị buôn bán) và những người không chọn di cư.
  - **Cộng đồng là điểm nóng ở khu vực đến**, xem xét và đối chiếu các kinh nghiệm của người lao động di cư không bị bóc lột và người lao động di cư bị bóc lột.
  - **Các điểm nóng ở khu vực trung chuyển**, ví dụ các nhóm người bị trục xuất, so sánh kinh nghiệm của người di cư bị bóc lột và không bị bóc lột.
- Dữ liệu về tội phạm, mạng lưới và thủ đoạn:** Dữ liệu này có thể được thu thập từ ba nguồn chính, và cần được kiểm tra chéo giữa các nguồn để đảm bảo giá trị và tính tinh cậy ở mức cao nhất:
  - **Nạn nhân của buôn bán người và người lao động di cư**, khi họ đồng ý tiết lộ chi tiết việc bị bóc lột và bọn tội phạm lừa và bóc lột họ.
  - **Các tổ chức phi chính phủ**, hoạt động trong lĩnh vực quyền con người hoặc cung cấp các dịch vụ di cư ở các điểm nóng.
  - **Hành pháp**, có thể thu được thông tin từ việc nhận và chia sẻ thông tin giữa các đơn vị điều tra và với các tổ chức phi chính phủ liên quan. Lực lượng công an đôi khi không thể tiết lộ chi tiết vụ án do có thể gây nguy hiểm cho quá trình điều tra và các tổ chức phi chính phủ có thể không tiết lộ thông tin chi tiết về nạn nhân do nạn nhân không đồng ý chia sẻ thông tin với cảnh sát, tuy nhiên các thông tin chung được chia sẻ giữa công an và tổ chức phi chính phủ có thể rất tích cực.
- Dữ liệu về tính hiệu quả của luật, chính sách và các biện pháp:** Dữ liệu này thu thập tốt nhất từ người được hưởng lợi từ luật và hệ thống, tìm hiểu những cải thiện về luật và chính sách và công tác nâng cao năng lực cho các cán bộ hoạt động phòng chống BBN có thật sự tạo ra sự khác biệt tích cực trong đời sống của những người chịu ảnh hưởng của BBN và có tôn trọng quyền con người – do đó, từ nạn nhân bị buôn bán hoặc các nhóm dễ bị tổn thương. Ngoài ra, các số liệu đo tính hiệu quả của hệ thống của chính phủ và phi chính phủ có thể có ích – ví dụ, sự gia tăng về số nạn nhân được xác định/hỗ trợ ở điểm nóng sau khi thông qua một đạo

lượt hoặc một chính sách mới, hay bồi dưỡng năng lực cho các cán bộ ở khu vực này

## Lĩnh vực 5: Giám sát, Đánh giá & Hệ thống dữ liệu về phòng chống BBN Các hoạt động KHHĐTV III (2011-2013)

HOẠT ĐỘNG	MÔ TẢ	
<b>GSDG1</b> Mục tiêu 5.1	Xây dựng hệ thống dữ liệu và bồi dưỡng năng lực phòng chống BBN	Xây dựng hạ tầng cơ sở và bồi dưỡng năng lực cho các hệ thống theo dõi thông tin dữ liệu cấp quốc gia và khu vực, cam kết hướng tới một cơ chế chia sẻ thông tin tương thích ở cả cấp quốc gia và quốc tế.
<b>GSDG2</b> Mục tiêu 5.1	Các số liệu thống kê chính thức về buôn bán người	Thu thập, phân tích, chia sẻ thông tin thống kê chính thức về bắt giữ, truy tố, hồi hương, nạn nhân được hỗ trợ để cung cấp thông tin căn bản trong việc tăng cường các hoạt động phòng chống BBN.
<b>★ GSDG3</b> Mục tiêu 5.2	Nghiên cứu về thực trạng, cách thức, xu hướng và mô hình BBN	Xây dựng và tăng cường các hệ thống nghiên cứu để đo lường mức độ BBN và các xu thế, bao gồm phỏng vấn những người di cư bị bóc lột và không bị bóc lột để thu thập thông tin về các nhân tố gây ra tính dễ bị tổn thương cho nạn nhân, các mạng lưới tội phạm, những ngành công nghiệp có mức độ bóc lột cao nhất và tính hiệu quả của công tác xác định, hỗ trợ nạn nhân và điều tra hình sự các ca BBN.
<b>★ GSDG4</b> Mục tiêu 5.3;5.4	Giám sát, đánh giá và báo cáo COMMIT	Chuẩn hóa việc giám sát, lượng giá, báo cáo các hoạt động và kết quả chủ chốt của các quốc gia COMMIT trong việc thực hiện SPA III để đạt được các mục tiêu và mục đích nêu trong SPA III. Hoạt động này bao gồm theo dõi việc phân bổ ngân sách của chính phủ dành cho các hoạt động phòng chống BBN; quan điểm và các hoạt động để tăng cường tính bền vững và tính làm chủ. Báo cáo tác động sau khi SPA III kết thúc sẽ đo lường tác động của các hoạt động COMMIT đối với tình hình BBN và những nhóm dân số bị ảnh hưởng bởi nạn BBN.

**TÓM TẮT DANH MỤC**  
**CÁC MỤC TIÊU & HOẠT ĐỘNG KHHĐTV**  
**COMMIT III**

Theo ghi chú ở trang 6, trong từng lĩnh vực, các hoạt động Chính phủ các nước thống nhất là hoạt động ưu tiên được gắn thêm biểu tượng ‘★’ và khuyến khích các nước hoàn thành các hoạt động này trong giai đoạn của KHHĐTV III. Với các hoạt động khác, Chính phủ các nước COMMIT đã nhất trí thực hiện khi phù hợp, tùy thuộc và nhu cầu, tình hình và ưu tiên riêng của từng quốc gia.

<b>KHHĐTV COMMIT III: Hoạt động &amp; Mục tiêu</b>	
<b>HOẠT ĐỘNG</b>	<b>MỤC TIÊU</b>
<b>Lĩnh vực 1: Chính sách &amp; Hợp tác</b>	
<p>★ <b>CSHT1</b> <b>Hỗ trợ Chương trình Hành động Quốc gia (CTHĐQG)</b></p> <p>★ <b>CSHT2</b> <b>Tập huấn và bồi dưỡng năng lực cho các cán bộ làm việc trong lĩnh vực phòng chống BBN và các nhà hoạch định chính sách của mỗi quốc gia</b></p> <p><b>CSHT3</b> <b>Thực hiện các hiệp định song phương bao gồm xây dựng và thực hiện các Quy trình Thực hiện chuẩn (SOP)</b></p> <p><b>CSHT4</b> <b>Hỗ trợ hợp tác với các quốc gia không thuộc COMMIT</b></p> <p><b>CSHT5</b> <b>Trao đổi thông tin xuyên biên giới</b></p> <p><b>CSHT6</b> <b>Hợp tác và tham khảo ý kiến với những cá nhân chịu ảnh hưởng của BBN</b></p>	<p>1.1. Thực hiện các chương trình hành động quốc gia (phù hợp với Văn kiện Ghi nhớ COMMIT khi có thể) nhằm phòng chống nạn BBN dưới mọi hình thức với các hệ thống giám sát, báo cáo kết quả và tiến độ thường xuyên. Nguồn ngân sách nhà nước cho các ủy ban liên ngành phòng chống BBN ở cấp quốc gia và cấp địa phương tăng lên để hỗ trợ các quan điểm, sự kiện, cơ chế, hội nghị và các chi phí khác trong phòng chống BBN. Hệ thống có sự tham gia của các ủy ban hoặc ban chỉ đạo liên ngành ở cấp quốc gia và tiểu vùng.</p> <p>1.2. Thiết kế các chương trình tập huấn quốc gia toàn diện cho các nhà hoạch định chính sách và những cá nhân hoạt động trong lĩnh vực phòng chống BBN thuộc chính phủ và phi chính phủ, do đội ngũ các giảng viên cấp trung ương đảm nhiệm.</p> <p>1.3. Xây dựng và giám sát các thỏa thuận xuyên quốc gia ở những nơi các luồng BBN cho thấy nhu cầu ưu tiên về cơ chế này. Các kết quả hoạt động và quy trình hoạt động chuẩn được thực hiện, và các kế hoạch thực hiện được rà soát hàng năm.</p> <p>1.4. Phối hợp phòng chống BBN với các cơ quan ban ngành liên quan và các cơ quan địa phương không thuộc vùng COMMIT có hiệu lực.</p> <p>1.5. Hợp tác xuyên biên giới được hỗ trợ và củng cố một cách có hiệu quả thông qua việc phát huy chức năng của các cơ chế hợp tác giữa các cơ quan bộ ngành chính phủ và cộng đồng.</p> <p>1.6. Những người bị ảnh hưởng bởi nạn buôn bán người; bao gồm các nạn nhân bị buôn bán được tham gia và tham khảo ý kiến trong giám sát và đánh giá tính hiệu quả các các chương trình phòng chống BBN quốc gia.</p>

HOẠT ĐỘNG		MỤC TIÊU
<b>Lĩnh vực 2: Khung pháp lý, Hành pháp &amp; Tư pháp</b>		
<b>★ TPHS 1</b>	<b>Luật phòng chống BBN với định nghĩa quốc tế về BBN và việc áp dụng các luật hình sự chống lại kẻ buôn người khác</b>	2.1. Xây dựng, ban hành và thực thi đầy đủ pháp luật toàn diện về phòng chống BBN, theo định nghĩa quốc tế. Các luật hình sự liên quan khác cũng được áp dụng trong các trường hợp hình sự BBN, và các cán bộ điều tra cân nhắc việc truy tố tội phạm một cách đầy đủ và toàn diện.
<b>TPHS 2</b>	<b>Tăng cường hoạt động của các đơn vị chuyên trách thực thi pháp luật</b>	2.2. Các cán bộ hành pháp được đào tạo và phát huy vai trò riêng biệt, bao gồm các đơn vị chuyên trách về BBN và các cán bộ xuất nhập cảnh và công an ở các khu vực là điểm nóng. Việc này bao gồm xác định nạn nhân và các kỹ năng điều tra các vụ BBN hiệu quả. Cần điều tra và xử phạt tội đồng lõa và tham nhũng trong hành pháp.
<b>TPHS 3</b>	<b>Hỗ trợ điều tra chủ động</b>	2.3. Các cán bộ điều tra và truy tố xét xử liên quan tới ứng phó tư pháp hình sự về BBN được đào tạo về các lĩnh vực liên quan đến loại tội phạm này, hỗ trợ hợp tác đa ngành, các cơ chế tăng cường năng lực chung, và các mạng lưới hành pháp, truy tố xét xử và thẩm phán.
<b>★TPHS 4</b>	<b>Tăng cường điều phối các hoạt động trong hệ thống tư pháp hình sự và bảo vệ nạn nhân</b>	2.4. Tăng cường chất lượng của ứng phó tư pháp hình sự trong phòng chống BBN, bao gồm (a) lồng ghép hiệu quả hơn vào các dịch vụ hỗ trợ nạn nhân, tuyệt đối coi trọng quyền của nạn nhân; (b) các tiêu chuẩn quốc tế về quy trình đúng đắn và sự công bằng trong điều tra và truy tố xét xử các trường hợp BBN; (c) các biện pháp dân sự được áp dụng để bổ sung vào các nỗ lực tư pháp hình sự, đưa ra nhiều lựa chọn hơn cho nạn nhân cần hỗ trợ pháp lý; và (d) thẩm phán hiểu vai trò độc lập và không thiên vị trong các vụ án buôn bán người, chú trọng việc đưa ra các bằng chứng đáng tin cậy và kiểm chứng lời cáo buộc từ đầu mỗi chính đáng
<b>TPHS 5</b>	<b>Tập huấn chuyên sâu đa ngành và xây dựng mạng lưới cho cán bộ hoạt động trong lĩnh vực tư pháp hình sự</b>	
<b>TPHS 6</b>	<b>Theo dõi các ca BBN để đảm bảo tính xuyên suốt và đúng đắn trong truy tố xét xử.</b>	
<b>TPHS 7</b>	<b>Tăng cường khả năng tiếp cận hệ thống tư pháp và bồi thường thông qua bồi thường dân sự cho nạn nhân</b>	

HOẠT ĐỘNG		MỤC TIÊU
<b>Mục tiêu 3: Bảo vệ, Phục hồi và (Tái) hoà nhập</b>		
<p>★ <b>BV 1</b> Hướng dẫn xác định nạn nhân và Quy trình thực hiện chuẩn (SOP)</p> <p><b>BV 2</b> Theo dõi và báo cáo tình trạng giam giữ nạn nhân của BNN</p> <p>★ <b>BV 3</b> Hướng dẫn hồi hương/tái hoà nhập và Quy trình thực hiện chuẩn (SOP)</p> <p><b>BV 4</b> Hỗ trợ xây dựng hướng dẫn hoạt động và nâng cao năng lực trong quản lý các cơ sở lưu trú (nhà tạm lánh), chăm sóc thay thế và cơ chế chuyển tuyến</p> <p>★ <b>BV 5</b> Hỗ trợ (tái) hoà nhập hiệu quả</p> <p><b>BV 6</b> Theo dõi hiệu quả công tác hỗ trợ nạn nhân và phòng chống tái buôn bán hoặc nạn nhân trở thành kẻ buôn người/dẫn mối</p> <p><b>BV 7</b> Tập huấn chuyên sâu và kỹ năng bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân dựa trên các cách tiếp cận dựa trên quyền của nạn nhân và cá nhân hoá nhu cầu</p>	<p>3.1. Thực hiện và phát huy chức năng của các hệ thống và hướng dẫn nhằm đảm bảo nạn nhân được xác minh và được cung cấp các hỗ trợ cá nhân hoá, phù hợp với giới tính và độ tuổi sau khi xác định được lợi ích tốt nhất của nạn nhân, và cung cấp thông tin bằng ngôn ngữ nạn nhân có thể hiểu; tăng cường công tác xác định nạn nhân, được đo lường thông qua việc đánh giá và thu thập thông tin phản hồi từ nạn nhân bị buôn bán.</p> <p>3.2. Thực hiện và phát huy chức năng của các hệ thống và hướng dẫn nhằm đảm bảo nạn nhân không bị các cơ quan thực thi pháp luật giữ trong trại tạm giam hay nhà tạm trú hoặc các nơi giam giữ khác chống lại ý muốn của nạn nhân.</p> <p>3.3. Thực hiện và phát huy chức năng của các hệ thống và hướng dẫn nhằm đảm bảo nạn nhân được cung cấp các lựa chọn hồi hương và tái hoà nhập an toàn và kịp thời, cải thiện hợp tác xuyên biên giới, được đo lường thông qua việc đánh giá và lấy thông tin phản hồi từ nạn nhân bị buôn bán.</p> <p>3.4. Thực hiện và phát huy chức năng của các hệ thống và hướng dẫn nhằm đảm bảo nạn nhân được cung cấp các lựa chọn (tái) hoà nhập phù hợp và cá nhân hoá, bao gồm các lựa chọn sinh kế phù hợp và khả thi, cải thiện các dịch vụ thông qua việc đánh giá và thông tin phản hồi từ nạn nhân bị buôn bán.</p> <p>3.5. Đội ngũ những người cung cấp dịch vụ hỗ trợ nạn nhân được đào tạo tốt, gắn kết mạng lưới với nhau và phát huy vai trò và chức năng riêng biệt theo tiêu chuẩn quốc tế liên quan tới chất lượng của việc chăm sóc và đối xử với nạn nhân của BNN.</p>	

<b>HOẠT ĐỘNG</b>		<b>MỤC TIÊU</b>
<b>Lĩnh vực 4: Các biện pháp phòng ngừa &amp; Giảm thiểu nguy cơ bị buôn bán</b>		
<p>★ <b>PN 1</b>    <b>Các sáng kiến giảm thiểu nguy cơ bị buôn bán</b></p>		4.1.    Xây dựng, thử nghiệm, chia sẻ và nhân rộng các biện pháp cấp quốc gia và/hoặc địa phương, cấp khu vực nhằm xác định và giảm thiểu tính dễ bị tổn thương của BBN phù hợp và hiệu quả về chi phí.
<p><b>PN 2</b>    <b>Các hệ thống bảo vệ và giám sát ở biên giới và tại cộng đồng</b></p>		4.2.    Xây dựng và tăng cường mạng lưới bảo vệ cộng đồng và giám sát, đặc biệt ở các khu vực điểm nóng xác định theo kinh nghiệm ở nước đến và nước nguồn, nhằm xác định và giải quyết nhu cầu của nhóm nguy cơ.
<p><b>PN 3</b>    <b>Nâng cao nhận thức cho cộng đồng</b></p>		4.3.    Xây dựng, thử nghiệm và nhân rộng các chiến dịch truyền thông và nâng cao nhận thức của cộng đồng nhằm giải quyết nạn BBN, di cư an toàn, và quyền của người lao động theo đánh giá về tác động tích cực trong thay đổi hành vi.
<p>★ <b>PN 4</b>    <b>Tăng cường các cơ chế chống bóc lột lao động và kết hôn nhằm mục đích buôn bán</b></p>		4.4.    Áp dụng luật lao động quốc gia để bảo vệ quyền của người lao động trên cơ sở các nguyên tắc chống phân biệt đối xử và công bằng, phát huy chức năng của các cơ chế thanh tra lao động và tố giác để xác định và xử lý các trường hợp bóc lột lao động.
<p><b>PN 5</b>    <b>Nâng cao vai trò và năng lực cho các cán bộ không thuộc lực lượng công an trong thực thi luật quốc gia nhằm giảm thiểu bóc lột</b></p>		4.5.    Tăng cường hợp tác với khu vực tư nhân nhằm mở rộng vai trò chủ động trong phòng chống BBN; việc này có thể bao gồm nhưng không giới hạn cho các doanh nghiệp và hiệp hội doanh nghiệp trong ngành du lịch, vận tải, giải trí và xuất khẩu, hoặc bất cứ ngành nào có nhiệm vụ xã hội liên quan tới phòng chống BBN.
<p><b>PN 6</b>    <b>Hợp tác với khu vực tư nhân và gắn kết với trách nhiệm xã hội</b></p>		

HOẠT ĐỘNG	MỤC TIÊU
<b>Lĩnh vực 5: Giám sát, Đánh giá &amp; Hệ thống dữ liệu về phòng chống BBN</b>	
<p><b>GS&amp;ĐG 1</b> Xây dựng hệ thống dữ liệu và bồi dưỡng năng lực phòng chống BBN</p> <p>★<b>GS&amp;ĐG 2</b> Các số liệu thống kê chính thức về buôn bán người</p> <p>★<b>GS&amp;ĐG 3</b> Nghiên cứu về thực trạng, cách thức, xu hướng và mô hình BBN</p> <p>★<b>GS&amp;ĐG 4</b> Giám sát, đánh giá và báo cáo COMMIT</p>	<p>5.1. Xây dựng, phát huy chức năng hệ thống dữ liệu thu thập dữ liệu chủ chốt về BBN, với sự hỗ trợ của chính phủ trong khuôn khổ nhiệm vụ và ngân sách.</p> <p>5.2. Nâng cao hoạt động phòng chống buôn bán người thông qua cải thiện công tác nghiên cứu và phân tích, bao gồm xác định các nhân tố dễ bị tổn thương đã được kiểm chứng thực tế, thủ đoạn của kẻ buôn người, và tính hiệu quả của luật pháp, chính sách và các biện pháp.</p> <p>5.3. Xuất bản báo cáo giám sát thường niên, cũng như đánh giá cuối cùng về tiến độ của các nước COMMIT trên cơ sở các mục tiêu và mục đích đã thống nhất trong KHHĐTV III (2011-2013).</p> <p>5.4. Hoàn thành đánh giá tác động của KHHĐTV III, đo lường tác động của các biện pháp phòng ngừa, bảo vệ và truy tố xét xử khu vực sông Mekong trong vòng một năm thực hiện KHHĐTV III.</p>

PHỤ LỤC A

**VĂN KIẾN GHI NHỚ COMMIT**

**(2004)**

PHỤ LỤC B

**Tuyên bố chung COMMIT (2007)**